

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 18

Nghĩa văn:

1) Đế thích hỏi về công đức phát tâm.

2) Mười phép phát tâm rộng lớn.

3) Sự cúng dường rộng lớn.

4) Sự cúng dường của người thường không thể so sánh với sự cúng dường của Bồ-tát. Công đức cúng dường của người trước không bằng một phần trong trăm ngàn công đức của người này. Pháp lành vô hạn không thể so sánh bằng sự hữu hạn.

5) Mười pháp lành là pháp người cõi dục sanh lên cõi trời, bốn thiên là hạnh nghiệp của cõi sắc. Thiên thứ một đoạn lo, thứ hai đoạn khổ, thứ ba đoạn vui, thứ tư đoạn tịch tịnh. Bốn vô lượng tâm thuộc pháp hữu vi. Bốn định của cõi vô sắc. Đó là hạnh nghiệp của ba cõi. Tu-đà-hoàn đoạn trừ kiến hoặc và sự thọ sanh cõi đời, thọ sanh ở cõi Thánh, vào dòng Thánh. Tư-Đà-hàm đoạn trừ sáu hoặc cõi dục, còn một lần sanh vào cõi dục. A-na-hàm đoạn trừ chín hoặc của cõi dục, sanh vào cõi sắc, không thọ sanh cõi dục. Vị này chưa đoạn nghi trong mười sử nên chưa đạt quả A-la-hán. mười sử: thân, biên, kiến thủ, giới thủ, tà kiến (năm phiền não dễ đoạn, chỉ cần hiểu thật đế là đoạn được), tham, sân, si, mạn, nghi (năm phiền não sai sử chúng sanh, khó đoạn trừ). Trong mười sử, Tu-đà-hoàn sai khi hiểu thật đế, nhiếp phục năm sử trước. Tư-đà-hàm đoạn sáu hoặc của cõi dục, ba hoặc tham, si, mạn tuy không hiện khởi nhưng chưa đoạn hết. Vì vậy hai cõi sắc, vô sắc tu định sân không khởi. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm vì chán ghét không để phiền não tăng trưởng, luôn cầu học pháp xuất thế, không tạo nhân sanh trong ba cõi. A-na-hàm vĩnh viễn đoạn trừ chín hoặc, còn phiền não nghi, vì chưa phân biệt rõ về kiến đạo, chưa thoát nghiệp ba cõi. A-la-hán đoạn trừ phiền não nghi. Ba vị trước dù đoạn trừ chín phiền não vẫn chưa được xem là đoạn phiền não, tuy thấy thật đế nhưng chưa phân biệt rõ vô minh nên chỉ là nhiếp phục phiền não. A-la-hán và Bích Chi Phật chỉ

thích pháp xuất thế. Bồ-tát cõi tịnh và Bồ-tát quán pháp không tuy hành sáu Ba-la-mật cũng chỉ thích pháp xuất thế, nên chỉ nhiếp phục vô minh phiền não mà không hiểu vô minh vốn là Phật Bất Động Trí, chỉ dùng pháp quán không để nhiếp phục phiền não. Dù là mười địa cũng chỉ đạt ý sanh thân, chưa đạt như thuyết trí sanh thân của Như Lai. Quán mười chơn như... đoạn trừ mười phiền não thô, không hiểu vô minh vốn là trí căn bản của Như Lai đủ công dụng nhưng luôn tịch tịnh. Trong giáo pháp như thừa, căn cứ quả Phật, chúng sanh vừa phát tâm, hiểu rõ vô minh vốn là trí không phân biệt, đạt công dụng của trí sai biệt, trọn vẹn pháp của tất cả các đức Phật, là người ngồi xe như thuyết trí, nếu trí bi nguyện hạnh không giống Phật thì không thành tựu lòng tin, làm sao an trụ nơi Phật an trụ, sanh trong nhà như thuyết chủng trí của Như Lai, là đệ tử chơn chánh của Phật, làm mọi việc như Phật? Vì trí bi nguyện hạnh bình đẳng, cảnh giới không sai khác, ba đời không ngoài một sát na, dùng định huệ quán sát sẽ thấy được. Đó là học hỏi với bậc thầy chơn chánh, nương trí căn bản để phát tâm. Như văn sau có câu: “Bồ-tát vừa phát tâm thị hiện thành Phật ở khắp mười phương, là người ngồi xe như thuyết trí của Như Lai, đạt trí Phật, sanh trong nhà Phật. Người đạt một phần bi trí của Phật là thị hiện thành Phật. Như phần kệ về mười lực của Phật, Bồ-tát tuy chưa chứng đạt nhưng không nghi, từ mỗi lỗ chân lông, Bồ-tát thị hiện vô số cõi nước. Đó là công đức của Bồ-tát phát tâm, đạt một phần trí huệ của Phật như thái tử được một phần quyền hành của vua cha. Mặt đất chấn động, trời người cúng dường là thể hiện cho oai lực của pháp. Đại chúng vui mừng, trời đất cảm động vì thể tánh của tâm cảnh là một, cảnh có từ tâm. Vô số Phật Pháp Huệ xuất hiện là sự dung hợp trí huệ của các đức Phật mười phương. Vô số Phật là sự tiến tu tiến tu đoạn hoặc, ngộ pháp. Việc Bồ-tát phát tâm được thọ ký thành Phật Thanh Tịnh Tâm ở phần sa là biểu hiện cho các pháp đề thanh tịnh. Song kiếp số không nhanh chậm, đó là danh từ nói về sự ngộ pháp của các vị. Toàn phẩm này khen ngợi công đức phát tâm, công đức của người ban bố tất cả cho chúng sanh, chúng sanh được diệu lạc thù thắng của trời người, chỉ dạy chúng sanh tu học đạt bốn quả sa môn, Bích Chi Phật, quả bồ đề xuất thế của ba thừa, không bằng công đức của người phát tâm thành hạnh Phật, vì thế cảnh giới chúng sanh thành Phật của hai pháp hoàn toàn khác nhau. Văn sau của phẩm này có câu: “Bồ-tát vừa phát tâm không phân biệt ba đời, không thấy có sự chứng đạt quả pháp Phật, Bồ-tát, độc giác, Thanh Văn, chỉ phát tâm trong trí như thuyết, không tham chấp. Pháp bồ đề có bốn: Thanh Văn, Duyên

Giác, Bồ-tát quyền giáo; Bồ-tát, Phật nhưt thừa ba pháp bồ đề trước là pháp xuất thế, pháp sau là pháp bồ đề trọn vẹn bi trí muôn hạnh, không ra khỏi, không chìm đắm. Người học ba thừa tuy quán bốn đế, 12 duyên, nhưng chưa hiểu thật thể của các pháp ấy. Không phải chỉ hàng nhị thừa không hiểu, ngay cả mười địa cũng chưa hiểu. Chỉ Bồ-tát nhưt thừa dùng trí quán sát biết rõ. Có thể nói, ba thừa tuy quán bốn đế, 12 duyên, hành sáu Ba-la-mật nhưng luôn ghét khổ, thích pháp vui, cầu pháp xuất thế, Bồ-tát phát tâm bi lại là giữ hoặc độ sanh. Bồ-tát nhưt thừa dùng trí quán bốn đế 12 duyên, không phân biệt trói buộc, giải thoát trong sanh tự Niết-bàn. vì vậy kinh này nói mười đế, 12 duyên là Vô minh, là Khổ đế. Tất cả đều là pháp duyên sanh trong pháp giới nhưt thừa. Mất tai mũi lưỡi, oai lực thần thông đều không ngoài pháp giới, đều nhờ sức quán chiếu định huệ biểu hiện. Vì vậy, người tu nên thực hành chứng đạt như thế.

17. Phẩm: MINH PHÁP

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: minh pháp, nói rõ công đức rộng lớn của năm phẩm: lên núi tu di, nói kệ khen ngợi, mười trụ, phạm ngợi, công đức phát tâm. câu hỏi của Bồ-tát tinh tấn Huệ có hai ý:

1) Để đại chúng hiểu rõ pháp của năm phẩm trước.

2) Để hiểu rõ pháp sau, trọn vẹn nguyện lớn, hiểu tạng Bồ-tát. Tức là hỏi về phương pháp tu hành mười hạnh, trưởng dưỡng pháp mười trụ. Nghĩa phẩm như tên phẩm. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn.

- Ý kinh: ba đoạn:

1) (33,5 hàng văn xuôi, 55 hàng kệ), Bồ-tát Tinh Tấn Huệ hỏi pháp.

2) (6 hàng) Bồ-tát Pháp Huệ nhận lời diển giải.

3) (phần còn lại) Bồ-tát Pháp Huệ giải thích. Đoạn Bồ-tát Tinh Tấn Huệ hỏi pháp có hai phần: 1) Ý đoạn văn; 2) Nghĩa văn.

- Ý văn có ba:

1) (12 hàng) Bồ-tát Tinh Tấn Huệ hỏi.

2) (21 hàng) Bồ-tát Tinh Tấn Huệ nêu pháp tu tập và lợi ích của mười trụ, thỉnh Bồ-tát Pháp Huệ nói pháp tu tập.

3) (1 hàng) Bồ-tát Tinh Tấn Huệ nói kệ.

Nghĩa văn: Nhĩ thời: lúc thuyết pháp. Bồ-tát Tinh Tấn Huệ siêng

năng trong tu tập. Huệ: soi chiếu. Tinh tấn: không vọng tưởng. Dùng đốc huệ không vọng tưởng soi rọi biết rõ các pháp vốn không tạo tác, không dụng công, tịch tịnh. Các pháp tịch tịnh là Tinh, trí không dụng công biết rõ căn tánh tạo lợi ích cho chúng sanh là Tấn. Hỏi Bồ-tát Pháp Huệ: Hỏi về câu cú văn nghĩa. Ngồi xe nhứt thiết trí nhập mười trụ. Bồ-tát ngồi xe nhứt thiết trí, sanh trong nhà Phật, là đệ tử Phật, được Phật ủng hộ. Đạt tạng công đức của Bồ-tát là đạt mười tạng trí bi của mười hồi hướng. Câu: dùng phương tiện gì... nói 100 pháp. Sáu thông: thần thông (trí hiện vô số sắc thân tạo lợi ích cho chúng sanh trong tích tắc), Thiên nhĩ thông (tai nghe rõ tiếng của mọi loài trong mười phương), thiên nhãn thông (mắt thấy rõ mọi sắc tướng), túc mạng thông (biết nghiệp quả sanh tử của chúng sanh trong ba đời), Tha tâm thông (hiểu rõ tâm niệm của chúng sanh trong ba đời), lậu tận thông (biết rõ các pháp, đoạn trừ dục ái). Ba minh: túc mạng, thiên nhãn, lậu tận. Bốn vô úy như trước. Tướng tốt: mười thân cao lớn, lục vô sở úy: mười lực (như phần trước). Tác giả nói kệ: biết rõ nhân quả của chúng sanh, định tâm kiên cố như dây núi, căn tánh chúng sanh thượng trung hạ, cho nên tham dục nhiều vô kể. Các pháp thế gian pháp xuất thế, tất cả đều có sự sai khác, túc mạng biết rõ nghiệp ba đời, thiên nhãn thấy biết các hình sắc, phân biệt thông hiểu pháp mười phương tâm không đắm nhiễm không tham trước, mười pháp tự tại vô ngại ấy, là mười oai lực của Như Lai. 18 pháp bất cộng như trước. Nhứt thiết trí là chủng chủng vô tận trí, trí sai biệt không cùng. Phần thọ trì pháp có hai: Bồ-tát phát tâm thọ trì tạng pháp của tất cả các đức Phật, diễn thuyết cho chúng sanh, được trời thần, Như Lai ủng hộ. Phần kệ có 22 hàng, hai hàng khen ngợi người thuyết pháp; hai hàng khen ngợi trí huệ phước đức vượt trên thế gian của người phát tâm; hai hàng nói về hạnh tăng tiến; hai hàng trí độ sanh không đắm trước; hai hàng đồ sanh để pháp Phật không mất; hai hàng thành tựu pháp giải thoát thù thắng nên thỉnh Bồ-tát thuyết giảng, phá trừ u ám, hàng phục ma chướng; hai hàng: pháp hư lai đạt; hai hàng: vì sao giảng pháp Như Lai; hai hàng cuối: người pháp tâm không sợ, không đắm trước như sư tử, hoa sen. phần nhận lời thuyết pháp: Bồ-tát Pháp Huệ khen ngợi người hỏi. Phần giảng thuyết có hai: Ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh: toàn phẩm được chia thành 20 đoạn:

- 1) (10 hàng) mười pháp không phóng dật của mười trụ.
- 2) (10,5 hàng) an trụ pháp không phóng dật, đạt pháp thanh tịnh.
- 3) (11 hàng) thực hành mười pháp, các đức Phật vui vẻ.
- 4) (6 hàng) an trụ mười pháp.

- 5) (8 hàng) thực hành mười pháp là an trụ các địa.
- 6) (10 hàng) tăng tiến trong các địa.
- 7) (8 hàng) hạnh thanh tịnh.
- 8) (8 hàng) sự tăng tiến.
- 9) (7 hàng) hạnh nuyện đồ sanh rộng lớn.
- 10) (7 hàng) hành mười pháp trọn vẹn hạnh nguyện.
- 11) (8 hàng) mười vô tận tạng.
- 12) (16 hàng) Bồ-tát biết căn tánh tạo lợi ích cho chúng sanh.
- 13) (52,5 hàng) thực hành mười pháp Ba-la-mật đem lại lợi ích cho chúng sanh.
- 14) (18 hàng) làm cho ngôi tam bảo trường tồn.
- 15) (30 hàng) thị hiện mười pháp trang nghiêm để người thấy phát tâm, trừ lỗi chấp không.
- 16) (23 hàng) Bồ-tát vừa phát tâm đạt pháp bình đẳng như Phật, giảng thuyết pháp Phật.
- 17) (13,5 hàng) sống trong đại chúng nhưng không lo sợ, tự tại giảng thuyết, không bị ràng buộc.
- 18) (1 hàng) Bồ-tát Pháp Huệ nói kệ khen ngợi.
- 19) 20 hàng kệ.
- 20) Người nghe pháp vui vẻ thực hành.

Nghĩa văn: giải thích phần khó hiểu của văn kinh: câu: trụ định không hôn trầm trạo cử: không sống trong định diệt tận của Thanh Văn, không sống trong định của hai cõi sắc, vô sắc (thiền thứ một của cõi sắc đoạn lo buồn của cõi dục, thích sống tịch tịnh, bị nạn nước, kinh Lăng Già chép: mãi mê vọng tưởng sanh trong kiếp có nạn nước; thiền thứ hai đoạn khổ cõi dục khinh an tịch tịnh, có giác quán, còn thích cõi tịnh, bị nạn lửa; thiền thứ ba không giác quán nhưng còn vui với niềm vui thiền định, bị nạn gió; thiền thứ bốn thân tâm tịch tịnh đoạn hơi thở, không vui buồn, không bị ba nạn, sắc thân tịch định, y phục vàng ánh, thân cao 20 dậm, áo dài 40 dậm, các thiền trước bằng một nửa. Bốn thiền đều tịch tịnh tâm ý. Bốn định của cõi vô sắc đoạn trừ tâm mong cầu an trụ được tịch tịnh. Đoạn sắc tịnh cõi sắc, thành tự định không xứ; đoạn trừ thức thấy không, thành tự định thức xứ; đoạn trừ tâm không sở hữu và vọng tưởng về không, thành tự định phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy các định ấy đều còn sự phân biệt, chưa đạt tự tại. Không hôn trầm, trạo cử, xứng hợp chơn lý, đủ tịnh dụng, không tạo tác nhưng luôn đem lại lợi ích mới cho chánh định. Tham năm dục nơi cõi dục là trạo cử, chấp trước nơi định cõi sắc, vô sắc là hôn trầm. Định của

Thanh văn, Duyên giác là hôn trầm, định của Bồ-tát quán không, hành sáu Ba-la-mật sanh về cõi tịnh là trạo cử. Như vậy định của ba thừa giáo đều là định còn hôn trầm, trạo cử, vì còn phân biệt tịnh nhiễm, không thấy chơn lý của đạo, còn yêu ghét. Định của nhị thừa tuy không còn mê hoặc của ba cõi nhưng đều hàng phục mê hoặc bằng tâm chán ghét, không chấp ngã nhưng không có bi trí. Người an trụ diệt tận định tuy gõ trống bên tai cũng không nghe thấy, dùng lửa biến hóa thiêu thân phần đoạn sanh tử. Việc đoạn trừ hoặc chướng của ba thừa gần giống nhau. Vì thế ba thừa có thể phân tích thành chín thừa. Như kinh Thắng man có câu: “Hàng phục phiền não ba cõi đạt ý sanh thân, không có thân phần đoạn sanh tử, còn biến dịch sanh tử, không tự tại độ sanh, chưa hợp chơn pháp”. Trong đại thừa, Bồ-tát giữ hoặc độ sanh có (30?) tâm: tập chủng tánh, tánh chủng tánh, đạo chủng tánh. Sau đó Bồ-tát nhập Thánh chủng tánh, quán 37 phẩm trợ đạo, hành mười Ba-la-mật. Việc ấy tuy giống nhau nhưng căn cứ trên cảnh giới độ sanh, số lượng Phật vị ấy phụng sự, đạt ý sanh thân, trí sanh thân, đủ nhân quả thành Phật thì có sự khác nhau. Vì thế định của Bồ-tát giữ hoặc độ sanh cũng còn hôn trầm, trạo cử, chỉ đạt ba ý sanh thân, chưa đạt trí sanh thân của Như Lai. Dù là Bồ-tát địa 8, 9, 10 đạt ba ý sanh thân, quán pháp không, không khởi phiền não, tự tại với ý sanh thân, vẫn không được sanh trong nhà như thiết trí của Như Lai. Không có nhân ấy nên tự cho rằng bA-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. Bồ-tát địa thứ một cúng dường 100 đức Phật, hóa đồ chúng sanh trong trăm cõi Phật, đạt trăm pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát phát tâm như thiết trí của Như Lai là phát tâm bồ đề. Sanh trong nhà như thiết trí của Phật, vừa phát tâm là thành Phật, đủ trí Phật. Vì trong cảnh giới trí không có sự nhanh chậm. Cứ thế, số Phật, số cảnh giới hóa độ tuần tự tăng dần là thể hiện cho sự tăng tiến, nhưng về thể tánh một là tất cả, không thể hạn lượng. Các pháp bốn niệm xứ, bốn tâm vô lượng, mười Ba-la-mật... đều không thể hạn lượng. Vì vậy định của trụ thứ như thiết trí không phải là định còn hôn trầm, trạo cử của thế, xuất thế gian. Câu: nhập thiền định đạt thân thông của Phật: thân thông của cõi vô sắc, vô sắc là đoạn vọng tưởng, tịch tịnh; thân thông của nhị thừa có từ định; thân thông của Bồ-tát cõi tịnh là đạt tịch tịnh ý lạc... ba ý sanh thân. Nghĩa của câu trên là tâm hiểu thật lý, không ra vào, không tịch loạn, không tạo tác, tự tại hợp chơn như, không sanh khởi, không nhiếp phục, hợp lý trí chơn thật, hiện khắp mười phương ba cõi, tùy thuận chúng sanh hiện thân độ thoát nhưng không đến đi, không biến hóa, trí không nương tựa, thể không hình sắc, tánh không đến đi, tự tại

rộng lớn, không thuộc ba đời nhưng có trong ba đời. Kinh dạy: trí hiểu rõ ba đời nhưng không đến đi. Ba đời là vọng tưởng của chúng sanh, không thật có. Thần: trí không hình sắc, không tạo tác, tùy thuận hóa độ chúng sanh. Thông: đi khắp mười phương, biết tất cả pháp, hiểu căn tánh chúng sanh. Câu: tu hạnh thanh tịnh bằng pháp không tạo tác: từ pháp không tạo tác, biết căn tánh tùy định độ sanh, mọi hạnh đều là hạnh độ sanh, không tạo tác không sanh khởi, luôn ở trong mười phương đem lại lợi ích cho chúng sanh nhưng không đắm nhiễm. Câu: cùng một thể tánh như các đức Phật ba đời: cùng một pháp thân trí huệ, vô số kiếp là một sát na, trọn vẹn bi trí như Phật. Câu: nhập thiền định đạt thân thông của Phật: thân thông của cõi vô sắc, vô sắc là đoạn vọng tưởng, tịch tịnh; thân thông của nhị thừa có từ định; thân thông của Bồ-tát cõi tịnh là đạt tịch tịnh ý lạc... ba ý sanh thân. Nghĩa của câu trên là tâm hiểu thật ý, không ra vào, không tịnh loạn, không tạo tác, tự tại hợp chơn như, không sanh khởi, không nhiếp phục, hợp lý trí chơn thật, hiện khắp mười phương ba cõi, tùy thuận chúng sanh hiện thân độ thoát nhưng không đến đi, không biến hóa, trí không nương tựa, thể không hình sắc, tánh không đến đi, tự tại rộng lớn, không thuộc ba đời nhưng có trong ba đời. Kinh dạy: trí hiểu rõ ba đời nhưng không đến đi. Ba đời là vọng tưởng của chúng sanh, không thật có. Thần: trí không hình sắc, không tạo tác, tùy thuận hóa độ chúng sanh. Thông: đi khắp mười phương, biết tất cả pháp, hiểu căn lành chúng sanh. Câu: tu hạnh thanh tịnh bằng pháp không tạo tác: từ pháp không tạo tác hành vô số hạnh, ở đâu cũng thanh tịnh, trí không tạo tác, biết căn tánh tùy thuận độ sanh, mọi hạnh đều là hạnh độ sanh, không tạo tác không sanh khởi, luôn ở trong mười phương đem lại lợi ích cho chúng sanh nhưng không đắm nhiễm. Câu: cùng một thể tánh như các đức Phật ba đời: cùng một pháp thân trí huệ, vô số kiếp là một sát na, trọn vẹn bi trí như Phật. Câu: mười pháp để Bồ-tát an nha an nhập các địa: Bồ-tát trụ thứ nhất biết rõ pháp của các trụ, hạnh, hồi hướng địa... vì một là tất cả, tất cả là một, ngay nhân là quả, ngay quả là nhân. Như đồng tử Thiện Tài gặp Bồ-tát Di Lặc, Bồ-tát Di Lặc lại làm cho Thiện Tài thấy Bồ-tát Văn Thù vì nhân quả giống nhau không tách rời. Bồ-tát vừa phát tâm là thành Phật đủ hạnh Bồ-tát, đủ nhân quả Phật. Vì vậy một đời ba đời thành Phật là một. Một đời thành Phật: ngay “Thân phần đoạn sanh tử” do cha mẹ sanh ra, phát lòng thấy đạo, tu tập bỏ thân này nhập “Thân biến dịch sanh tử”. Khoảng thời gian ấy không ngoài một sát na, không phân biệt xưa nay, không có tánh phần đoạn hay biến dịch, các pháp đều huyền

không sanh diệt, không ba đời. Vì vậy Bồ-tát trụ thứ nhất hiểu rõ pháp của các vị khác, không phân biệt nhanh chậm. Hãy suy xét bằng trí sẽ biết được. Câu: biết chúng sanh và Phật cùng một thể tánh: Bồ-tát nơi ba thừa biết chúng sanh có Phật tánh. Ở đây, Bồ-tát biết rõ chúng sanh và Phật cùng một tánh nhất thiết trí. Phần sau của kinh có câu: ba ngàn đại thiên cõi nước nằm trong thân chúng sanh đạt trí ấy. Trí thông đạt lý tánh là nhất thiết trí. Trí sai biệt là nhất thiết chủng trí. Câu: nghe nói cõi Phật, nguyện sanh về cõi Phật: tích tặc đi khắp mười phương, cúng dường các đức Phật nhưng không thấy có đến đi. Các định thứ đệ: Bồ-tát tuần tự nhập bốn định cõi sắc, tùy thuận nhập bốn thiên cõi vô sắc, hoặc ra vào tự tại vượt trên thứ tự. Như phần Xà Duy trong kinh Niết-bàn dạy: nhập thiên thứ một, xuất thiên thứ ba; nhập định không xứ, xuất định vô sở hữu xứ; nhập định phi tưởng xứ, xuất định không xứ. Như định Phương Vọng trong kinh này dạy: nhập định ở một phương, xuất định ở mười phương và ngược lại. Trí ấn Tam-ma-bát-đế: đủ tịch dụng, ấn định các pháp như mọi hiện tượng hiện trong nước sạch. Trí thanh tịnh ấn định các pháp, không phân biệt chủ thể khách thể, không người tạo tác. Câu: quán sát các pháp hiểu thật tướng: hiểu rõ các pháp bằng trí không tạo tác, không nương tựa, không vọng tưởng, không chấp trước phân biệt ba đời bằng vô minh. Nhập định chơn thật: nhập định không phân biệt ba cõi, không hôn trầm trạo cử, nhiễm tịnh của ba thừa. Đoạn trừ vọng kiến: đoạn trừ phân biệt có, không và 62 kiến chấp (đối với các pháp chấp thường, vô thường, vừa thường, vừa vô thường, không phải thường, không phải vô thường. Năm ấm có 20 kiến, kết hợp ba đời thành 60 kiến thêm hai kiến trên thành 62 kiến). Phổ môn huệ: trí hiểu biết căn tánh của tất cả chúng sanh và các pháp. Với chúng sanh an trụ định cõi sắc, Bồ-tát dạy chúng quán định; với chúng sanh an trụ định không tướng của cõi vô sắc, Bồ-tát dạy quán trí vi diệu, đem lại lợi ích cho chúng sanh không vọng tưởng. 6 pháp hòa kính: thân, khẩu, ý, giới, thí kiến. Gieo hạt giống Phật vào ruộng chúng sanh: chỉ dạy trí bồ đề cho chúng sanh. Pháp lành: pháp thù thắng. Hàng kệ cuối là phần đại chúng nghe pháp vui vẻ phụng hành. Lên cõi Đạo lợi là phần tựa, nói kệ khen ngợi là phần chính, mặt đất chấn động trời người cúng dường là phần kết.

18. Phẩm: LÊN CÔI DẠ MA

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: lên cõi Dạ ma. Dạ ma: thời phần. Cõi này không tính thời gian theo mặt trời mặt trăng mà tính bằng sự nở khếp của hoa sen. mười hạnh biết rõ thời cơ hóa độ chúng sanh, biết dùng pháp lành hợp với trời, người, nhị thừa, ba thừa, như thừa. mười trụ nói ở núi Tu Di vì mười tín vượt trên phàm phu, mười trụ đoạn trừ chấp tướng (núi Tu Di như trước đã giải thích) không thể dùng tâm mong cầu để đạt pháp mười trụ. Bồ-tát không mong cầu, không tạo tác, tự tại hợp mọi pháp là đạt pháp mười trụ. mười hạnh được nói ở cõi Dạ ma. Cõi này trụ trong hư không, không giao tiếp với người. Cũng thế, mười hạnh tu hành pháp không, biết thời cơ tạo lợi ích cho chúng sanh. mười hồi hướng được nói ở Đâu suất. Cõi này ở giữa cõi dục, vui với hạnh biết đủ. mười hồi hướng chuyển trí vào đời độ sanh nhưng không mong cầu. mười địa được nói ở cõi Tha hóa (bỏ cõi Hóa lạc vượt trên cõi dục) Bồ-tát mười địa vượt trên dục vọng, giáo hóa ma vương. Lên cõi thiên thứ ba nói pháp Phật hoala viên mãn hạnh Phổ Hiền, thuyết pháp làm vui lòng chúng sanh. Thiên thứ tư là quả Phật. Đó là thứ tự tu tập của các vị. Song về thật lý, các pháp là một, không đến đi. Vì thế có câu: “Không rời điện Phổ Quang Minh, đạo tràng bồ đề, lên cõi Đạo lợi...”. Pháp nói ở cõi thiên thứ ba là Như Lai đưa hàng Bồ-tát Thanh Văn ra khỏi chấp trước: Như Lai thành Phật ở cõi bồ đề, thuyết giảng giáo pháp... Nghĩa kinh: sự tăng tiến của mười hạnh. Nghĩa văn cũng có hai phần: ý kinh: 49 hàng phân thành 10 đoạn:

- 1) (3,5 hàng) chúng sanh mười phương đều thấy Như Lai.
- 2) (2 hàng) không rời điện Phổ Quang, đạo tràng bồ đề... lên cõi Dạ ma.
- 3) (14 hàng) vua cõi Dạ ma thấy Phật đến, hóa hiện bảo tòa và cung kính đón Phật.
- 4) (2,5 hàng) vua cõi Dạ ma thỉnh Phật vào cung.
- 5) (1 hàng) Như Lai nhận lời, mười phương đều như vậy.
- 6) (1,5 hàng) nhớ lại nhân xưa, vua nói kệ khen Phật.
- 7) (20 hàng) mười đức Như Lai đến cõi này.
- 8) (2,5 hàng) mười phương cùng khen Phật.
- 9) (2 hàng) Như Lai vào điện, cung điện tự nhiên rộng ra.
- 10) Cõi nước trong mười phương đều như vậy.

Ý văn: câu: bấy giờ... đối diện với Phật: Phật hiện khắp mười phương. Không rời bồ đề, núi Tu Di... lên cõi Dạ ma: trí hiểu rõ, hiện thân độ sanh, không đến đi. Vua thấy Phật đến: mười trụ hướng đến

mười hạnh. Dùng thần lực hóa hiện bảo tòa: hạnh có từ trí rỗng lặng không phân biệt chủ thể khách thể. Tòa Liên hoa: thành tựu hạnh không tạo tác, không nhiễm trước. Tạng: hạnh không hành, hàm tàng mọi pháp lành. Sư tử: không sợ, dùng trí vô vi vào sanh tử nên không sợ. Trăm vạn bậc cấp: sự tăng tiến của các vị. Lưới vàng bao quanh: quả độ sanh của hạnh. Vòng hoa, tràng phan... độ sanh bằng bốn nhiếp pháp. Bảo cái: độ sanh bằng bốn vô lượng tâm. Trăm vạn ánh sáng: dùng mắt trí quán sát căn tánh, hóa độ chúng sanh. Cung kính đánh lễ: không cao ngạo Phạm Vương vui mừng: vui vẻ độ sanh. Trăm vạn Bồ-tát khen ngợi: hiền Thánh khen hạnh độ sanh. Trỗi nhạc trời: quả của hạnh thuyết pháp độ sanh. Bốn mây: hạnh từ bi độ sanh. Bảo cái, mây: tùy căn tánh độ sanh. Có từ trăm vạn căn lành: từ căn lành có được sự trang nghiêm. Thiệt lai thiện thệ: đoạn trừ tai nạn ác độ. Thệ: độ thoát chúng sanh nhưng không bị ràng buộc. Phật nhận lời: tinh tấn nhập mười hạnh. Công đức khắp mười phương: sự thăng tiến. mười Phật đến dự: lý trí hợp với Phật. tên Phật: pháp của mười hạnh và Phật giống nhau. trong mười trụ, Đế Thích thấy Phật, vào cung trang nghiêm tòa sư tử Phổ Quang Minh từng là nhập trí Phật bằng định. Phổ Quang Minh tàng: trí chiếu khắp pháp giới. Ở đây, vua cõi Dạ ma thấy Phật. bày tòa sen là dùng hạnh độ sanh, đưa chúng sanh vào cảnh trí Phật. Hóa hiện bảo tòa: thể tánh của hạnh nương trí tiếng không của mười trụ, không pháp thân, không an lập, mọi việc như biến hóa. Năm hàng sau cũng là phần mười phương khen ngợi Phật. Như Lai vào điện, điện tự nhiên rộng ra: đạt mười hạnh, trí rộng mở, biết cảnh giới Phật.

19. Phẩm: Ở CÔI DẠ MA NÓI KỆ KHEN GỢI

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: lên cõi Dạ ma nói pháp mười hạnh, mười Bồ-tát Công Đức Lâm... nói kệ khen ngợi pháp mười hạnh. Nghĩa phẩm: trước khi nói pháp mười hạnh phải nói kệ khen ngợi nhân quả của mười hạnh. Nếu không thì không thể nói pháp mười hạnh. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh: có năm đoạn:

- 1) (13,5 hàng) mười Bồ-tát trình bày việc tu hành nhân quả Phật.
- 2) (2 hàng) Bồ-tát mười phương đến đó.
- 3) (2 hàng) nơi phóng ánh sáng.
- 4) (1 hàng) quán pháp nói kệ.
- 5) (10 đoạn kệ) nhân quả mỗi hạnh trong mười hạnh.

Nghĩa văn: 13/5 hàng đầu phân thành ba phần:

- 1) Nhân quả của tên Bồ-tát.
- 2) Khoảng cách cõi nước.
- 3) Bồ-tát cùng tên hiện khắp mọi nơi.

Nhân quả của tên Bồ-tát: Bồ-tát Công Đức Lâm: (trong mười trụ, Bồ-tát vừa sanh trong nhà Phật nên có tên Huệ) vị này phước trí rộng lớn nên là Lâm (rừng: rộng lớn, che chở, trang nghiêm, sum suê) Bồ-tát mười hạnh trang nghiêm hạnh nguyện bằng trí không tánh, che chở giáo hóa tất cả chúng sanh, nở hoa bồ đề cho mình, người. Như sông có rừng, các loài chim tụ về, Bồ-tát là nơi chúng sanh nương tựa. Hạnh thứ một tu thí Ba-la-mật như thiện tri thức Thiện Kiến ở nước Tam nhãn, cõi nước tên Thân Huệ. mười hạnh sanh từ trí Phật, gần gũi tất cả chúng sanh, Phật tên Thường Trụ Nhân: thọ sanh bằng trí Phật, biết căn tánh, độ thoát chúng sanh, an trụ trong mắt trí, dạy chúng sanh đạt mắt trí. Công Đức Lâm là người hành pháp, cõi Thân Huệ là nhân tu, Phật Thường Trụ Nhân là quả. Bồ-tát Huệ Lâm: trí Huệ rộng lớn, là hạnh nhiều ích, dùng trí Huệ đem lại lợi ích cho chúng sanh, dạy chúng sanh không mê hoặc, thực hành giới Ba-la-mật. Trí Huệ là thể của giới, như thiện tri thức Thiên chủ hành giới Ba-la-mật, xem việc tốt xấu trong xóm làng bằng pháp tướng pháp ấn, pháp tức (mười trụ dùng pháp thân làm thể của giới). Bồ-tát Huệ Lâm là người hành pháp, cõi Tràng Huệ là tu nhân (dùng trí làm thể của giới nên vào sanh tử nhưng không khuynh động) Phật Vô Thắng Nhân là quả (dùng mắt trí biết căn tánh chúng sanh). Bồ-tát Thắng Lâm là hạnh Vô Vi Nghịch (luôn thuận hợp), chuyên tu nhẫn Ba-la-mật. Trong các hạnh, nhẫn là hạnh cao thượng, không nhẫn nại thì không thành tựu hạnh nguyện. Thiện tri thức là nữ cư sĩ Cụ Túc. Nhẫn Ba-la-mật bao hàm tất cả hạnh từ bi hỷ xả, y trắng phủ tóc... là tướng của giới nhẫn. Nhà của nữ cư sĩ có bốn cửa là bốn nhiếp pháp. 10 ngàn người hầu là hạnh nguyện. Cứu chúng sanh bằng một pháp nhỏ là đoạn trừ cao ngạo, độ sanh bằng bốn nhiếp pháp. Bồ-tát Thắng Lâm là người tu, cõi Bảo Huệ là pháp tu (nhẫn là báu vật) Phật Vô Trụ Nhân là quả (tu tập nhưng không chấp). Bồ-tát Vô Úy Lâm chuyên tu tinh tấn Ba-la-mật, vào đời độ sanh nhưng không sợ, là hạnh Vô Khuất Nhiếu. Vị này dùng trí biết thời cơ, pháp tắc, căn tánh của chúng sanh để độ thoát mà không chấp công việc. Thiện tri thức ở hạnh này là cư sĩ Minh Trí (dùng trí sáng đem lại lợi ích cho chúng sanh) ở thành Đại hưng là tinh tấn, ở ngã tư đường là lợi ích rộng rãi. Biết tâm niệm của chúng sanh, nhìn lên hư không. Hư không là nguồn gốc của các pháp. Cũng thế, mọi công đức đều có từ trí rộng lặng. Bồ-tát Vô Úy Lâm là người

hành pháp, cõi Thắng Huệ là pháp tu, Phật Bất Động Nhân là quả (sự tinh tấn không bị thay đổi theo hoàn cảnh). Bồ-tát Tâm Quý Lâm là hạnh Vô si loạn, chuyên tu thiền Ba-la-mật, hành thiền bằng tâm hổ thẹn. Từ thiền định, trí huệ phát sanh, hành hạnh không si loạn. Trưởng giả Bảo Kế là thiện tri thức của hạnh này. Ở trong chợ: thể của thiền là tịch tịnh ngay trong náo loạn. Đưa Thiện Tài về chỗ ở: chỉ dạy, vào sanh tử, đưa chúng sanh đến quả trí, quán quả biết nhân. nhà có mười tầng tám cửa: tám cửa là tám Thánh đạo, mười tầng là quả của mười Ba-la-mật. Thể của định bao gồm muôn hạnh. Bồ-tát Tâm Quý Lâm là người hành pháp, cõi dăng huệ là pháp tu. Phật Thiên Nhân là quả (định thanh tịnh các căn). Bồ-tát Tinh Tấn Lâm là hạnh Thiện Hiện, chuyên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Dùng trí hạnh đem lại lợi ích cho chúng sanh. Trưởng giả Phổ Nhân là thiện tri thức ở hạnh này. Trước cứu mạng chúng sanh, cho chúng sanh ăn uống, sau thuyết pháp chỉ dạy. Tất cả đều thuận căn tánh của chúng sanh. Đó là sự thành tựu của trí huệ. Bồ-tát Tinh Tấn Lâm là người hành pháp, cõi Kim Cang Huệ là pháp tu (trí huệ phá trừ phiền não) Phật Giải Thoát Nhân là quả. Bồ-tát Lực Lâm là hạnh Vô trước, chuyên tu phương tiện Ba-la-mật. Dùng phương tiện vào đời độ, nhưng không tham đắm, thành tựu từ bi. Vua Vô Yểm Túc là thiện tri thức của hạnh này. Vì lòng vua hóa thân làm việc ác, lại hóa người truy bắt trừng phạt để chúng sanh kinh sợ, không làm ác. Bồ-tát Lực Lâm là người hành pháp, cõi An Lạc Huệ là pháp tu (thành tựu từ bi) Phật Thâm Đế Nhân là quả (biết căn tánh chúng sanh hóa độ hợp cơ). Bồ-tát Hạnh Lâm là hạnh Nan Đắc, chuyên tu nguyện Ba-la-mật, đạt hạnh khó đạt. Đại Quang là thiện tri thức ở hạnh này. Hạnh thứ tám dùng trí tùy hạnh nguyện đem lợi ích cho chúng sanh. Bồ-tát Hạnh Lâm là người tu, cõi Nhựt Huệ là pháp tu (trí sáng như mặt trời) Phật Minh Tướng Nhân là quả. Bồ-tát Giác Lâm là hạnh Thiện Pháp chuyên tu lực Ba-la-mật. Nữ cư sĩ Bất Động là thiện tri thức ở hạnh này. Vì sao là nữ? Vì pháp sư là người thuần khiết, từ bi nhu hòa, trải qua vô số kiếp phát tâm tu tập, không đắm nhiễm. Bồ-tát Giác Lâm là người tu, cõi Tịnh Huệ là pháp tu, Phật Tối Thượng Nhân là quả (trí huệ thanh tịnh). Bồ-tát Trí Lâm là hạnh chơn thật, chuyên tu trí Ba-la-mật. Ngoại đạo biến Hành là thiện tri thức ở hạnh này, đạt trí tự tại, sống với ngoại đạo để nhiếp phục tà kiến. Câu: “Ta đã từng sống với 96 ngoại đạo trong ba ngàn cõi” là biểu hiện ý trên. Bồ-tát Trí Lâm là người tu, cõi Phạm Huệ là pháp tu, Phật Hám Thanh Nhân là quả (trí là đuốc sáng soi chiếu tất cả).

Khoảng cách cõi nước: mười phương đều có một Bồ-tát lớn, mỗi

Bồ-tát có vô số Bồ-tát bạn từ các cõi đến dự đại hội này. số lượng là sự tăng tiến của trí. Vì mê tâm cảnh nên mượn vô số bụi để tính, mê chấp chạy theo cảnh là cách vô số cõi; đoạn chấp trí hiện là đến dự đại hội. Bồ-tát cùng tên là trí sáng hiện khắp. Tâm mê trần cảnh là vô minh, tâm ngộ trí hiện là thông đạt, đủ trí nhất thiết chủng. Khi mê, mọi cảnh đều là hoặc chướng; khi ngộ, mọi cảnh đều là trí sáng. Bồ-tát lạy Phật là cung kính, lên tòa Ma-ni tụng: mười hạnh vào đời độ sanh, nhưng không nhiễm. Hạnh nghiệp phạm phụ nhiễm ô, hạnh nguyện Bồ-tát thanh tịnh. người tu dùng trí làm thể. Câu: Bảy giờ, từ hai chân, Phật phóng ra vô số ánh sáng: tăng tiến trong tu tập. 10 đoạn sau là phần kệ nói về pháp tu hành của mười Bồ-tát, mỗi hạnh đều đủ mười hạnh. hãy suy xét rõ.

